

Số: 7873/QĐ-UBND

Uông Bí, ngày 21 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Điện Công,
thành phố Uông Bí giai đoạn 2017- 2020**

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/10/2010 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh (khóa XIII) về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND Tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy v/v thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kết luận số 03-KL/BCĐ-CD ngày 19/12/2016 của Ban chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh về đánh giá kết quả năm 2016; nhiệm vụ giải pháp trọng tâm năm 2017 và giai đoạn 2017-2020; phát động phong trào thi đua "Quảng Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020";

Căn cứ Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh v/v ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số: 847/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh v/v ban hành bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn các xã thuộc tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số: 848/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh v/v ban hành bộ tiêu chí Khu dân cư (thôn) NTM kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn các xã thuộc tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số: 849/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh v/v ban hành bộ tiêu chí tạm thời xây dựng Vườn mẫu NTM; Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh

Quảng Ninh v/v ban hành tạm thời Bộ tiêu chí Hộ gia đình NTM kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn các thôn thuộc tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 4038/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của UBND thành phố Uông Bí v/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Điền Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 287/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Uông Bí v/v hỗ trợ vật liệu đầu tư xây dựng bê tông hóa đường giao thông thôn, khu, nội đồng tại các xã, phường giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 6831/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của UBND thành phố Uông Bí v/v thành lập Hội đồng thẩm định Đề án xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công và Đề án xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Điền Công, thành phố Uông Bí giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 16/12/2017 của Hội đồng thẩm định Đề án xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công và Đề án xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Điền Công, thành phố Uông Bí giai đoạn 2017-2020;

Theo đề nghị của Văn phòng điều phối nông thôn mới, tại Tờ trình số 02/TTr- VPĐPNTM ngày 17/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Điền Công, giai đoạn 2017 - 2020, với những nội dung cơ bản sau:

1. Tên Đề án: Đề án Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Điền Công, thành phố Uông Bí giai đoạn 2017 - 2020.

2. Phạm vi: Đề án thực hiện trên địa bàn xã Điền Công, thành phố Uông Bí.

3. Thời gian thực hiện Đề án: Từ năm 2017 đến năm 2020.

Điều 2. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm:

1.1. Xây dựng nông thôn mới **người dân có vai trò quan trọng, là chủ thể thực hiện**, Nhà nước đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện; các tổ chức chính trị xã hội có vai trò chung sức trong quá trình thực hiện thành công nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020.

1.2. Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 là **"làm từ trong nhà ra ngoài ngõ, làm từ dưới lên trên; bắt đầu từ xây dựng hộ, vườn, thôn kiểu mẫu đến xã nông thôn mới kiểu mẫu"**.

1.3. Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 nhằm duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững, quy định mức độ tối thiểu cần đạt đối với một số tiêu chí khi đạt xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 và đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2020.

2. Mục tiêu:

2.1. Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tập trung hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển dịch vụ, phát triển bền vững cả khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp, làm nền tảng nâng cao thu nhập và mức sống cho nhân dân.

2.2. Phát huy giá trị và bản sắc văn hóa tại địa phương đặc biệt gắn với bảo vệ môi trường sinh thái nhằm phát triển kinh tế theo hướng dịch vụ, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

2.3. Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở bằng việc nâng cao trình độ quản lý nhà nước, đáp ứng được yêu cầu về sự đổi mới trong quan hệ sản xuất, trong quản lý xã hội. Phân đấu đến năm 2020, xã Điện Công đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Điều 3. Nội dung và giải pháp thực hiện

1. Nội dung, nhiệm vụ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Điện Công, giai đoạn 2017-2020:

1.1. Năm 2017

- Kiện toàn Ban xây dựng nông thôn mới xã giai đoạn 2017-2020, phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên. Thành lập Ban phát triển thôn, phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Ban phát triển thôn.

- Rà soát, điều chỉnh các Quy hoạch. Điều tra cụ thể, chi tiết từng nội dung theo 10 tiêu chí xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Lập phương án, dự toán xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu, hộ mẫu giai đoạn 2017-2020 tại 3 thôn: Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3.

- Nâng cấp, chỉnh trang khuôn viên trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn. Triển khai xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thí điểm tại Thôn 2.

- Lựa chọn các tuyến đường cần được đầu tư theo cơ chế hỗ trợ của Thành phố đã thông qua để lập hồ sơ thiết kế dự toán phục vụ kế hoạch đầu tư năm 2018-2020.

1.2. Năm 2018

Phân đấu xây dựng hoàn thành thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại Thôn 2 vào cuối năm 2018. Triển khai xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại Thôn 1.

- Triển khai xây dựng các tuyến đường giao thông và các công trình khác đã khảo sát, lập dự toán từ năm 2017 theo cơ chế hỗ trợ của Thành phố.

1.3. Năm 2019

- Phân đấu xây dựng hoàn thành thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại Thôn 1 vào cuối năm 2019. Duy trì phát triển các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại Thôn 2 và tiếp tục xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại Thôn 3.

- Triển khai xây dựng các tuyến đường giao thông và các công trình khác đã khảo sát, lập dự toán từ năm 2018 theo cơ chế hỗ trợ của Thành phố.

1.4. Năm 2020

Triển khai xây dựng các tuyến đường giao thông và các công trình khác đã khảo sát, lập dự toán từ năm 2019 theo cơ chế hỗ trợ của Thành phố. Phần đầu hoàn thành việc xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại Thôn 3 và xã Điền Công hoàn thành xây dựng xã thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Tổng nhu cầu vốn và cân đối nguồn vốn thực hiện Đề án:

(Phụ biểu 01 và 02 kèm theo)

Nhu cầu vốn thực hiện Đề án cho chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Điền Công từ năm 2017 đến năm 2020 là **29.779.155.000 đồng**, trong đó:

- Ngân sách Thành phố:	6.348.107.000 đồng
(Trong đó: Hỗ trợ theo Nghị Quyết 287/2017/NQ-HĐND của HĐND Thành phố là: 4.598.107.000 đồng, hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa Thôn 3: 1.750.000.000 đồng)	
- Ngân sách xã:	13.870.664.000 đồng
- Nhân dân đóng góp	1.660.384.000 đồng
- Vốn khác	7.900.000.000 đồng

*** Phân kỳ thực hiện**

- Năm 2017: Tổng vốn 13.004.805.000 đồng, chiếm 43,7%. Trong đó: ngân sách Thành phố 483.417.000 đồng (Hỗ trợ theo Nghị Quyết 287/2017/NQ-HĐND của HĐND Thành phố 483.417.000 đồng); ngân sách xã 4.260.706.000 đồng; nhân dân đóng góp 360.682.000 đồng; vốn khác 7.900.000.000 đồng.

- Năm 2018: Tổng vốn 4.502.350.000 đồng, chiếm 15,1%. Trong đó: ngân sách Thành phố 1.026.690.000 đồng (Hỗ trợ theo Nghị Quyết 287/2017/NQ-HĐND của HĐND Thành phố 1.026.690.000 đồng); ngân sách xã 3.042.758.000 đồng; nhân dân đóng góp 432.902.000 đồng.

- Năm 2019: Tổng vốn 12.142.000.000 đồng, chiếm 40,8%. Trong đó: ngân sách Thành phố 4.838.000.000 đồng (Hỗ trợ theo Nghị Quyết 287/2017/NQ-HĐND của HĐND Thành phố 3.088.000.000 đồng, hỗ trợ xây dựng văn hóa Thôn 3: 1.750.000.000 đồng; ngân sách xã 6.437.200.000 đồng; nhân dân đóng góp 866.800.000 đồng.

- Năm 2020: Tổng vốn 130.000.000 đồng, chiếm 0,4%. Trong đó: ngân sách xã 130.000.000 đồng.

3. Giải pháp chủ yếu:

3.1. Giải pháp về tuyên truyền, vận động:

- Tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức các Chỉ thị, Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh, Thành phố và xã về xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn. Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, truyền hình, Pano, áp phích và trong các hội nghị, các cuộc họp,...

- Vận động nhân dân hiến đất, vật kiến trúc và trực tiếp tham gia xây dựng các công trình hạ tầng đơn giản, giữ gìn và bảo vệ kết cấu hạ tầng; xây dựng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần; giữ gìn an ninh, trật tự đảm bảo an

toàn xã hội; đóng góp mua sắm các trang thiết bị vật chất tại các nhà văn hóa thôn; chỉnh trang ngõ xóm, vườn hộ; chỉnh trang, nâng cấp nhà ở...

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn vận động nhân dân tích cực thực hiện đổi mới phương thức sản xuất; tích cực xây dựng phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương; tích cực thực hiện dồn điền đổi thửa xây dựng vùng sản xuất tập trung; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất đảm bảo hiệu quả cho sản phẩm và từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương theo Chương trình OCOP, gắn với phát triển các sản phẩm phục vụ du lịch.

3.2. Huy động các nguồn lực:

- Nguồn ngân sách Thành phố: hỗ trợ cát, đá, xi măng theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nguồn ngân sách xã: từ nguồn thu tiền thuê đất, mặt nước hàng năm của xã được trích lại để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Huy động tối đa nguồn lực đóng góp từ nhân dân. Người dân liên quan đến thực hiện Đề án.

- Huy động tối đa từ các nguồn lực khác.

3.3. Giải pháp về nguồn nhân lực, áp dụng khoa học công nghệ:

- Tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn đảm bảo và duy trì cơ cấu trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề tại chỗ và tăng thu nhập cho người dân, giảm dần tỷ lệ đào tạo nghề nông nghiệp, tăng tỷ lệ đào tạo nghề phi nông nghiệp.

- Tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho nông dân. Xây dựng các mô hình trình diễn, mô hình khuyến nông, khuyến ngư; mô hình cơ giới hoá trong sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch, mô hình chuỗi... để người dân tham quan học tập kinh nghiệm.

3.4. Giải pháp về củng cố hệ thống chính trị vững mạnh:

Tiếp tục tổ chức đào tạo cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định, từng bước nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn kiểu mẫu và các nhiệm vụ chính trị khác của địa phương; kiện toàn hệ thống các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định; các biện pháp bảo đảm xây dựng Đảng bộ xã vững mạnh; chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”; các tổ chức đoàn thể cấp xã đạt danh hiệu vững mạnh, tiên tiến.

3.5. Giải pháp về môi trường:

- Thực hiện công khai, minh bạch các quy hoạch, dự án đầu tư; chú trọng và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc thẩm định, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, việc quyết định các dự án đầu tư cần được cân nhắc kỹ lưỡng giữa lợi ích đem lại trước mắt với những ảnh hưởng đến môi trường về lâu dài.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống thoát nước thải các khu dân cư, các điểm thu gom vỏ bao gói thuốc BVTV tại các vùng sản xuất; xây dựng quy chế và quản lý nghĩa trang theo quy hoạch.

- Xây dựng mô hình mỗi hộ có "Thùng rác gia đình"; đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường nhằm tạo sự chuyển biến và nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường chung, tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Nhân dân trên địa bàn xã:

- Phải xác định được chủ thể của chương trình và người hưởng lợi trong việc xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu là người dân. Từ đó nâng cao nhận thức để nhân dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất và trực tiếp tham gia xây dựng các công trình hạ tầng đơn giản, giữ gìn và bảo vệ kết cấu hạ tầng nông thôn; tự chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, cải tạo cảnh quan môi trường và xây dựng các công trình nước sinh hoạt, nhà vệ sinh; chỉnh trang sân vườn, nâng cấp nhà ở; xây dựng đời sống văn hóa tinh thần; giữ gìn an ninh, trật tự.

- Thực hiện tốt các phong trào thi đua như: phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, xây dựng vườn mẫu, hộ gia đình mẫu; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự; phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi...

2. Ban phát triển, Ban vận động thôn:

- Kiện toàn Ban Phát triển thôn, Ban vận động thôn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để phụ trách các lĩnh vực.

- Tích cực tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; phát động phong trào toàn dân hưởng ứng, tham gia xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; chú trọng quan điểm dựa vào nội lực của cộng đồng là chính, phát huy sự sáng tạo và nguồn lực trong dân; phát huy hiệu quả sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Bám sát những nội dung của đề án được duyệt để triển khai, đảm bảo công khai, dân chủ để nhân dân được bàn bạc và quyết định từng nội dung, tránh chủ quan áp đặt, đồng thời nghiêm túc tiếp thu giải quyết kịp thời những ý đóng góp xây dựng của nhân dân.

3. Ban Chỉ đạo xã:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2017-2020 đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án từng năm; hàng tháng, quý đưa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu để lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện.

- Hướng dẫn các thôn rà soát, đánh giá hiện trạng và xây dựng kế hoạch thực hiện đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và hướng dẫn thôn hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận theo quy định.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ đạo để theo dõi, hướng dẫn, giám sát thực hiện tại cơ sở thôn.

4. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền:

Cấp ủy Đảng từ xã đến thôn tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn kiểu mẫu gắn với việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Đảng ủy và các chi bộ tích cực thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; hàng tháng cấp ủy xã và chi bộ các thôn đưa nội dung xây dựng nông thôn kiểu mẫu để đánh giá kết quả thực hiện đồng thời đề ra các giải pháp tăng cường lãnh đạo về xây dựng nông thôn kiểu mẫu.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Các đoàn thể xã:

- Phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra; Mặt trận tổ quốc xã, Ban công tác Mặt trận các thôn vận động các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức, tích cực tham gia các phong trào để thực hiện và giám sát việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; củng cố, phát triển tổ chức mặt trận tổ quốc xã, thôn vững mạnh. Tham mưu gắn kết các nội dung xây dựng nông thôn mới vào cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" để vận động nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ.

- Tuyên truyền, vận động mỗi đoàn thể lựa chọn, đăng ký đảm nhiệm những việc làm cụ thể trong các nhiệm vụ xây dựng xã Điện Công đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Đẩy mạnh các chương trình phối hợp với chính quyền trong thực hiện các nhiệm vụ của địa phương, đặc biệt là nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; phong trào vì người nghèo; phong trào "5 xung kích, 4 đồng hành"; phong trào "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"; phong trào thu gom rác thải bảo vệ môi trường ...

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố, Trưởng các phòng: Kinh tế, Tài chính-Kế hoạch, Lãnh đạo Văn phòng điều phối nông thôn mới, Chủ tịch UBND xã Điện Công và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh QN (b/c);
- Ban Xây dựng nông thôn mới tỉnh QN (bc);
- Đ/chí Bí thư Thành ủy (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- Thường trực HĐND Thành phố (b/c);
- Thường trực UBND Thành phố (b/c);
- TVBCĐ xây dựng NTM Thành phố (p/h);
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tú

TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÁN ĐẦU TƯ - KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI/Kiểu mẫu xã điển công giai đoạn 2017-2020

(Kèm theo Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND Thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp ngày công	Vốn khác	
1	2	4	5	6	7	8	
A	TỔNG DỰ TOÁN KINH PHÍ	29.779.155.000	6.348.107.000	13.870.664.000	1.660.384.000	7.900.000.000	
1	Hỗ trợ theo NQ 287/2017/NQ-HĐND về hỗ trợ vật liệu đầu tư xây dựng bê tông hóa đường giao thông thôn, khu, nội đồng tại các xã, phường giai đoạn 2017-2020	11.342.315.000	4.598.107.000	5.273.824.000	1.470.384.000	0	
2	Hỗ trợ hạng mục khác	18.436.840.000	1.750.000.000	8.596.840.000	190.000.000	7.900.000.000	
B	CHI TIẾT THEO NĂM						
I	Năm 2017	13.004.805.000	483.417.000	4.260.706.000	360.682.000	7.900.000.000	
1	Hỗ trợ theo NQ 287/2017/NQ-HĐND	1.383.005.000	483.417.000	626.906.000	272.682.000		
2	Hỗ trợ hạng mục khác	11.621.800.000	-	3.633.800.000	88.000.000	7.900.000.000	
II	Năm 2018	4.502.350.000	1.026.690.000	3.042.758.000	432.902.000		
1	Hỗ trợ theo NQ 287/2017/NQ-HĐND	2.747.310.000	1.026.690.000	1.389.718.000	330.902.000		
2	Hỗ trợ hạng mục khác	1.755.040.000	-	1.653.040.000	102.000.000		
III	Năm 2019	12.142.000.000	4.838.000.000	6.437.200.000	866.800.000		
1	Hỗ trợ theo NQ 287/2017/NQ-HĐND	7.212.000.000	3.088.000.000	3.257.200.000	866.800.000		
2	Hỗ trợ hạng mục khác	4.930.000.000	1.750.000.000	3.180.000.000	-		
IV	Năm 2020	130.000.000	-	130.000.000	-		
1	Hỗ trợ theo NQ 287/2017/NQ-HĐND	-	-	-	-		
2	Hỗ trợ hạng mục khác	130.000.000	-	130.000.000	-		

CHI TIẾT DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẦN ĐẦU TƯ - KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU XÃ ĐIỀN CÔNG GIAI ĐOẠN 2017-2020
(Kèm theo Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND Thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Chiều dài (m)	Tổng giá trị	Trong đó			
				NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp ngày công	Vốn khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG DỰ TOÁN KINH PHÍ		29.779.155.000	6.348.107.000	13.870.664.000	1.660.384.000	7.900.000.000
	NĂM 2017						
	TỔNG CỘNG		13.004.805.000	483.417.000	4.260.706.000	360.682.000	7.900.000.000
1	Thôn 2		295.280.000	-	237.780.000	57.500.000	-
1	Vẽ sơ đồ quy hoạch:		51.600.000	-	51.600.000	-	-
	- Sơ đồ quy hoạch Khu dân cư		10.000.000		10.000.000		
	- Vẽ 3D sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn hộ (vườn mẫu): 03 hộ x 5.000.000đ/hộ		15.000.000		15.000.000		
	- Vẽ sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn hộ: 38 hộ x 700.000đ/hộ		26.600.000		26.600.000		
2	Pano, áp phích tuyên truyền:		5.500.000	-	5.500.000	-	-
	- Bảng tiêu chí Xã NTM, Khu dân cư NTM, Vườn mẫu, hộ gia đình NTM kiểu mẫu: 5 cái x 500.000đ/cái		2.500.000		2.500.000		
	- Pano, áp phích tuyên truyền: 01 cái x 3.000.000đ/cái		3.000.000		3.000.000		
3	Chỉnh trang khu dân cư:	2672	238.180.000	-	180.680.000	57.500.000	-
	- Đường trục chính liên xã: Trồng cây tạo hàng rào cây xanh, đường viên xanh (Giống cây trồng: Phi lao):						
	Tuyến đường khu vực Trung tâm UBND xã, tuyến có tổng chiều dài 200m. (200m x 10cây/m x 10.000đ/cây)	200	20.000.000		20.000.000		
	- Đường trục thôn: Trồng cây tạo hàng rào cây xanh, đường viên xanh hoặc hàng rào được phủ dây leo trên các tuyến đường (trồng cây chuối ngọc và các loại cây tương tự):						

	+ Tuyến đường từ Cầu Trắng đến Nhà Văn hóa Thôn 2, có chiều dài 411 m: 822m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	822	32.880.000		32.880.000		
	+ Tuyến đường từ Cầu Trắng đến nhà ông Tài và đến Nhà VH Thôn 2, có chiều dài 412m: 412m x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	412	16.480.000		16.480.000		
	+ Tuyến đường từ Nhà Văn hóa Thôn 2 đến nhà bà Thuần, có chiều dài 184m: 368m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	368	14.720.000		14.720.000		
	+ Tuyến đường từ nhà ô Trĩnh đến nhà bà Nhâm, có chiều dài 267m: 534m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	534	21.360.000		21.360.000		
	+ Tuyến đường từ điểm Bưu điện đến nhà ông Huỳnh, có chiều dài 63m: 126m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	126	5.040.000		5.040.000		
	+ Tuyến đường từ Xường Mộc đến nhà ông Khoái, có chiều dài 105m: 210m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	210	8.400.000		8.400.000		
	- Xây bồn trồng cây tạo cảnh quan: Tổng chiều dài 2.472m x 2.472m x 20.000đ/1m		49.440.000		49.440.000		
	+ Phân bón vi lượng, chế phẩm sinh học khác xây dựng hàng rào xanh: Tổng chiều dài 2.472m: 2.472m (24.720 cụm) x 5.000đ/m		12.360.000		12.360.000		
	- Công trồng và chăm bón: 230 công x 250.000đ/công		57.500.000		57.500.000		
4	Đường giao thông						
	Hoàn thiện mặt bằng thiết kế quy hoạch chi tiết, lập dự toán các tuyến đường						
II	Thôn 1		1.529.025.000	483.417.000	742.426.000	303.182.000	
1	Về sơ đồ quy hoạch:		25.000.000	-	25.000.000	-	
	- Sơ đồ quy hoạch Khu dân cư		10.000.000		10.000.000		
	- Về 3D sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn hộ (vườn mẫu): 03 hộ x 5.000.000đ/hộ		15.000.000		15.000.000		
2	Pano, áp phích tuyên truyền:		5.500.000	-	5.500.000	-	
	- Bảng tiêu chí Xã NTM, Khu dân cư NTM, Vườn mẫu, hộ gia đình NTM kiểu mẫu: 5 cái x 500.000đ/cái		2.500.000		2.500.000		
	- Pano, áp phích tuyên truyền: 01 cái x 3.000.000đ/cái		3.000.000		3.000.000		
3	Chỉnh trang khu dân cư:	1308	115.520.000	-	85.020.000	30.500.000	-
	- Đường trục thôn: Trồng cây tạo hàng rào cây xanh, đường viền xanh hoặc hàng rào được phủ dây leo trên các tuyến đường (trồng cây chuối ngọc và các loại cây tương tự):						
	+ Tuyến đường từ Trạm bơm đến nhà ông Quý, có chiều dài 452 m: 452m x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	452	18.080.000		18.080.000		

	+ Tuyến đường từ Trạm bơm đến hết khu Trường TH&THCS, có chiều dài 218 m: 436m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	436	17.440.000		17.440.000		
	+ Tuyến đường từ Cầu Trảng đến Nhà Văn hóa Thôn 1, có chiều dài 210m: 420m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	420	16.800.000		16.800.000		
	- Xây bốn trồng cây tạo cảnh quan: Tổng chiều dài 1.308m (1.308m x 20.000đ/1m)		26.160.000		26.160.000		
	+ Phân bón vi lượng, chế phẩm sinh học khác xây dựng hàng rào xanh: Tổng chiều dài 1.308m: (1.308 x 5.000đ/m)		6.540.000		6.540.000		
	- Cây trồng và chăm bón: 122 công x 250.000đ/công		30.500.000			30.500.000	
4	Đường giao thông		1.383.005.000	483.417.000	626.906.000	272.682.000	-
	- Từ Nhà ông Cảo đến Nhà ông Trầm, chiều dài 360m (Gồm cả đường + rãnh thoát nước)	331	647.654.000	228.179.000	290.766.000	128.709.000	
	- Sửa chữa đường giao thông từ Trạm Bơm đến nhà ông Quân	622,24	735.351.000	255.238.000	336.140.000	143.973.000	
III	Thôn 3		30.500.000	-	30.500.000	-	
1	Vẽ sơ đồ quy hoạch:		25.000.000	-	25.000.000	-	
	- Sơ đồ quy hoạch Khu dân cư		10.000.000		10.000.000		
	- Vẽ 3D sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn hồ (vườn mẫu): 03 hồ x 5.000.000đ/hồ		15.000.000		15.000.000		
2	Pano, áp phích tuyên truyền:		5.500.000	-	5.500.000	-	-
	- Bảng tiêu chí Xã NTM, Khu dân cư NTM, Vườn mẫu, hộ gia đình NTM kiểu mẫu: 5 cái x 500.000đ/cái		2.500.000		2.500.000		
	- Pano, áp phích tuyên truyền: 01 cái x 3.000.000đ/cái		3.000.000		3.000.000		
3	Đường giao thông						
	Hoàn thiện mặt bằng thiết kế quy hoạch chi tiết, lập dự toán các tuyến đường						
IV	Các công trình của xã		11.150.000.000	-	3.250.000.000	-	7.900.000.000
1	Đường giao thông:		4.650.000.000	-	650.000.000	-	4.000.000.000
	- Bê tông, áp phan tuyến đường từ Cầu 1 sang xóm Càng Bò	550	4.000.000.000				4.000.000.000
	- Lát vỉa hè + đầy lấp tam đan tuyến mương từ ngõ ông Quang đến Nhà Văn hóa thôn 2, chiều dài 260m.		650.000.000		650.000.000		
2	Hệ thống điện:		6.500.000.000	-	2.600.000.000	-	3.900.000.000
	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng từ Quốc lộ 18 đến Trung tâm xã	5,5 km	4.200.000.000		2.600.000.000		1.600.000.000
	Nâng cấp hệ thống lưới điện hạ thế theo quy chuẩn của ngành điện		2.300.000.000				2.300.000.000
	NĂM 2018						



TỔNG CỘNG		4.502.350.000	1.026.690.000	3.042.758.000	432.902.000	0
I	Thôn 2	715.000.000	-	715.000.000	-	-
1	Chỉnh trang khuôn viên vườn hộ: Xây dựng hàng rào xanh, gồm: Giồng, phân bón vi lượng, chế phẩm sinh học ...; trồng cây ăn quả: giống cây trồng tùy theo phù hợp với thực tế điều kiện thổ nhưỡng của địa phương và chế phẩm sinh học xử lý chuồng trại...)	15.000.000	-	15.000.000	-	-
	- Hỗ trợ đối với hộ gia đình làm vườn mẫu (03 hộ x 5.000.000 đồng/1 hộ)	15.000.000		15.000.000		
2	Đổi với khu thể thao thôn: Diện tích đất tối thiểu 2.000m ²	700.000.000	-	700.000.000	-	-
	Cần phải bố trí kinh phí, xây dựng kế hoạch sử dụng đất, GPMB một khu đất 2.000 m ² , san lấp mặt bằng xây dựng hạ tầng để đạt nội dung tiêu chí	700.000.000		700.000.000		
II	Thôn 1	335.740.000	-	257.240.000	78.500.000	-
1	Về sơ đồ quy hoạch:	37.800.000	-	37.800.000	-	-
	- Về sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn hộ: 54 hộ x 700.000đ/hộ	37.800.000		37.800.000		
2	Chỉnh trang khu dân cư:	3376	-	219.440.000	78.500.000	-
	- Đường trục thôn: Trồng cây tạo hàng rào cây xanh, đường viên xanh hoặc hàng rào được phủ dây leo trên các tuyến đường (trồng cây chuỗi ngọc và các loại cây tương tự):					
	+ Tuyến đường từ Cầu Trắng đến Nhà ông Quân, có chiều dài 614m: 1228m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	1228	49.120.000	49.120.000		
	+ Tuyến đường từ Trường TH và THCS đến nhà ông Hiếu, có chiều dài 337m: 674m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	674	26.960.000	26.960.000		
	+ Tuyến đường từ nhà ông Miên đến nhà bà Núp, có chiều dài 335m: 670m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	670	26.800.000	26.800.000		
	+ Tuyến đường từ nhà ô Tuyến đến nhà ông Tường, có chiều dài 402m: 804m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	804	32.160.000	32.160.000		
	- Xây bồn trồng cây tạo cảnh quan: Tổng chiều dài 3.376m (3.376m x 20.000đ/1m)		67.520.000	67.520.000		
	+ Phân bón vi lượng, chế phẩm sinh học khác xây dựng hàng rào xanh: Tổng chiều dài 3.376m: (3.376m x 5.000đ/m)		16.880.000	16.880.000		
	- Công trồng và chăm bón: 314 công x 250.000đ/công		78.500.000		78.500.000	-
III	Thôn 3	1.314.300.000	378.000.000	765.800.000	170.500.000	-
I	Về sơ đồ quy hoạch:	65.800.000	-	65.800.000	-	-

	- Vẽ sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn hộ: 94 hộ x 700.000đ/hộ		65.800.000		65.800.000			
2	Chính trang khu dân cư:	2.100	198.500.000		175.000.000	23.500.000		-
	- Trồng cây tạo cảnh quan: Trục đường chính liên xã- Trồng cây xanh							
	+ Tuyến từ Cầu 1 đến Cầu 2, chiều dài 1.100m	1100	110.000.000		110.000.000			
	- Đường trục thôn: Trồng cây tạo hàng rào cây xanh, đường viên xanh hoặc hàng rào được phủ dây leo trên các tuyến đường (trồng cây chuỗi ngọc và các loại cây tương tự):							
	+ Tuyến đường Nhà Văn hóa Thôn 3 (từ nhà ông Quý đến nhà bà Vương, chiều dài 500m: 1000m (2 bên) x 10 cụm/m x 4.000đ/cụm	1000	40.000.000		40.000.000			
	- Xây bồn trồng cây tạo cảnh quan: Tổng chiều dài 1.000m (1.000m x 20.000đ/1m)		20.000.000		20.000.000			
	+ Phân bón vi lượng, chế phẩm sinh học khác xây dựng hàng rào xanh: Tổng chiều dài 1.000: 1.000m (10.000 cụm) x 5.000đ/m		5.000.000		5.000.000			
	- Công trồng và chăm bón: 94công x 250.000đ/công		23.500.000			23.500.000		
3	Đường ngõ, xóm:		1.050.000.000	378.000.000	525.000.000	147.000.000		-
	- Từ Nhà bà Vương đến nhà bà Luyến, chiều dài 500m (Gồm cả đường + rãnh thoát nước)	500	1.050.000.000	378.000.000	525.000.000	147.000.000		
IV	Các công trình của xã		2.137.310.000	648.690.000	1.304.718.000	183.902.000		-
1	Đường giao thông nội đồng: Tổng dài 520 m	551	1.082.530.000	361.300.000	594.806.000	126.424.000		-
	+ Tuyến đường từ nhà ông Học đến Tiêng (Thôn 1): do đất cứng hóa, chiều dài 295m	326,17	710.530.000	213.300.000	370.806.000	126.424.000		
	+ Tuyến đường từ nhà ông Quang đến Dương Chợ (Thôn 2): Bê tông hóa, chiều dài 225m	225	372.000.000	148.000.000	224.000.000			
2	Thủy lợi: Xây mương nội đồng đảm bảo tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp	320	574.780.000	287.390.000	229.912.000	57.478.000		-
	- Tuyến mương đoạn từ nhà ông Cương đến nhà ông Tắm (Thôn 3)	292	574.780.000	287.390.000	229.912.000	57.478.000		
3	Cơ sở vật chất văn hóa		480.000.000	-	480.000.000	-		-
	- Xây dựng công trào xã		300.000.000		300.000.000			
	- Xây dựng công trào các thôn: 03 thôn x 60.000.000đ/thôn		180.000.000		180.000.000			
	NĂM 2019							
	TỔNG CỘNG		12.142.000.000	4.838.000.000	6.437.200.000	866.800.000		0
I	Thôn 2	1030	1.081.500.000	389.000.000	542.000.000	150.500.000		-
1	Đường ngõ, xóm:	515	1.081.500.000	389.000.000	542.000.000	150.500.000		



	- Từ Nhà ông Tài đến nhà bà Liên, chiều dài 150m (Gồm cả đường + rãnh thoát nước)	150	315.000.000	113.000.000	158.000.000	44.000.000	
	- Từ Nhà ông Toàn đến đê Cừ vắn và nhánh rẽ vào xóm nhà ông Đại, chiều dài 365m (Gồm cả đường + rãnh thoát nước)	365	766.500.000	276.000.000	384.000.000	106.500.000	
II	Thôn 1		1.747.000.000	372.000.000	1.232.000.000	143.000.000	
I	Chính trang khuôn viên vườn hộ: Xây dựng hàng rào xanh, gồm: Giống, phân bón vi lượng, chế phẩm sinh học ...; trồng cây ăn quả: giống cây trồng tùy theo phù hợp với thực tế điều kiện thổ nhưỡng của địa phương và chế phẩm sinh học xử lý chuồng trại...)		15.000.000		15.000.000		
	- Hỗ trợ đối với hộ gia đình làm vườn mẫu (03 hộ x 5.000.000 đồng/1 hộ)		15.000.000		15.000.000		
2	Đường ngõ, xóm:	490	1.032.000.000	372.000.000	517.000.000	143.000.000	
	- Từ Nhà ông Vĩnh đến nhà ông Hoàng, chiều dài 87m (Gồm cả đường + rãnh thoát nước)	87	183.000.000	66.000.000	92.000.000	25.000.000	
	- Từ Nhà bà Cán đến nhà ông Việt, chiều dài 86m (Gồm cả đường + rãnh thoát nước)	86	183.000.000	66.000.000	92.000.000	25.000.000	
	- Từ Nhà ông Tuyển đến Nhà bà Đông, chiều dài 317m (Gồm cả đường + rãnh thoát nước)	317	666.000.000	240.000.000	333.000.000	93.000.000	
3	Đổi với khu thể thao thôn: Diện tích đất tối thiểu 2.000m2		700.000.000	-	700.000.000	-	-
	Cần phải bố trí kinh phí, xây dựng kế hoạch sử dụng đất, GPMB một khu đất 2.000 m2, san lấp mặt bằng xây dựng hạ tầng để đạt nội dung tiêu chí		700.000.000		700.000.000		
II	Thôn 3		5.800.500.000	2.320.500.000	3.258.000.000	222.000.000	
I	Chính trang khuôn viên vườn hộ: Xây dựng hàng rào xanh, gồm: Giống, phân bón vi lượng, chế phẩm sinh học ...; trồng cây ăn quả: giống cây trồng tùy theo phù hợp với thực tế điều kiện thổ nhưỡng của địa phương và chế phẩm sinh học xử lý chuồng trại...)		15.000.000		15.000.000		
	- Hỗ trợ đối với hộ gia đình làm vườn mẫu (03 hộ x 5.000.000 đồng/1 hộ)		15.000.000		15.000.000		
2	Đường ngõ, xóm:	755	1.585.500.000	570.500.000	793.000.000	222.000.000	
	- Từ Nhà bà Vương đến nhà bà Thi, chiều dài 755m (Gồm cả đường + rãnh thoát nước)	755	1.585.500.000	570.500.000	793.000.000	222.000.000	
3	Đổi với khu thể thao thôn: Diện tích đất tối thiểu 2.000m2		700.000.000	-	700.000.000	-	-

	Cần phải bỏ trí kinh phí, xây dựng kế hoạch sử dụng đất, GPMB một khu đất 2.000 m ² , san lấp mặt bằng xây dựng hạ tầng để nội dung tiêu chí		700.000.000		700.000.000			
4	Tiêu chí Nhà văn hóa		3.500.000.000	1.750.000.000	1.750.000.000		-	-
	Cần phải bỏ trí kinh phí, xây dựng kế hoạch sử dụng đất, GPMB một khu đất tối thiểu 500 m ² , đầu tư hạ tầng cơ sở xây dựng Nhà Văn hóa để nội dung tiêu chí		3.500.000.000	1.750.000.000	1.750.000.000			
III	Các công trình của xã		3.513.000.000	1.756.500.000	1.405.200.000	351.300.000		-
1	Đường giao thông nội đồng: Tổng dài 1.086 m	1.086	1.629.000.000	814.500.000	651.600.000	162.900.000		-
	+ Tuyến đường từ nhà bà Đồng đến Đồng Soi (Thôn 1): độ dài cứng hóa, chiều dài 720m	720	1.080.000.000	540.000.000	432.000.000	108.000.000		
	+ Tuyến đường từ Lỗ Nải đến nhà Ông Tuấn (Thôn 2): độ dài cứng hóa, chiều dài 366m	366	549.000.000	274.500.000	219.600.000	54.900.000		
2	Thủy lợi: Xây mương nội đồng đảm bảo tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp		1.884.000.000	942.000.000	753.600.000	188.400.000		-
	- Tuyến mương từ Trạm bơm đến cừ Công quay chiều dài 295m	295	1.500.000.000	750.000.000	600.000.000	150.000.000		
	- Tuyến mương từ bờ Kênh làm đến nhà bà Thi, chiều dài 320m	320	384.000.000	192.000.000	153.600.000	38.400.000		
	NĂM 2020							
	TỔNG CỘNG		130.000.000	0	130.000.000	0	0	
	Các chi phí khác		130.000.000	-	130.000.000	-	-	
	Xây dựng, thẩm định phương án; quản lý, chỉ đạo, kiểm tra mô hình; khen thưởng, động viên khích lệ đối với hộ gia đình, các tấm gương điển hình làm tốt trong phong trào xây dựng NTM kiểu mẫu		130.000.000		130.000.000			

ĐỒNG BỊ T QUẢN

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công,
thành phố Uông Bí giai đoạn 2017- 2020**

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 27/10/2010 của của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh (khóa XIII) về xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND Tỉnh v/v xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy v/v thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kết luận số 03-KL/BCĐ-CD ngày 19/12/2016 của Ban chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh về đánh giá kết quả năm 2016; nhiệm vụ giải pháp trọng tâm năm 2017 và giai đoạn 2017-2020; phát động phong trào thi đua "Quảng Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020";

Căn cứ Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành bộ tiêu chí khu dân cư (thôn) nông thôn mới (NTM) kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn các xã thuộc tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành bộ tiêu chí tạm thời xây dựng vườn mẫu NTM; Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành tạm thời Bộ tiêu chí hộ gia đình NTM kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn các thôn thuộc tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 4039/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của UBND thành phố Uông Bí v/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 287/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Uông Bí v/v hỗ trợ vật liệu đầu tư xây dựng bê tông hóa đường giao thông thôn, khu, nội đồng tại các xã, phường giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 6831/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của UBND thành phố Uông Bí v/v Thành lập Hội đồng thẩm định Đề án xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công và Đề án xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Diên Công, thành phố Uông Bí giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 15/12/2017 của Hội đồng thẩm định Đề án xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công và Đề án xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Diên Công, thành phố Uông Bí giai đoạn 2017-2020;

Theo đề nghị của Văn phòng điều phối nông thôn mới, tại Tờ trình số 03/TTr- UBND ngày 17/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công, giai đoạn 2017 - 2020, với những nội dung cơ bản sau:

1. Tên Đề án: Đề án xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí giai đoạn 2017 - 2020.

2. Phạm vi: Đề án thực hiện trên địa bàn xã Thượng Yên Công, TP. Uông Bí.

3. Thời gian thực hiện Đề án: Từ năm 2017 đến năm 2020.

Điều 2. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm:

1.1. Xây dựng nông thôn mới "*người dân có vai trò quan trọng, là chủ thể thực hiện*", Nhà nước đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện; các tổ chức chính trị xã hội có vai trò chung sức trong quá trình thực hiện thành công nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020.

1.2. Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 là "*làm từ trong nhà ra ngoài ngõ, làm từ dưới lên trên; bắt đầu từ xây dựng hộ, vườn hộ, thôn nông thôn mới kiểu mẫu*"

1.3. Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 nhằm duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững, quy định mức độ tối thiểu cần đạt đối với một số tiêu chí khi đạt xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020.

2. Mục tiêu:

2.1. Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tập trung hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển dịch vụ, phát

triển bền vững cả khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp, làm nền tảng nâng cao thu nhập và mức sống cho nhân dân.

2.2. Phát huy giá trị và bản sắc văn hóa tại địa phương đặc biệt gắn với bảo vệ môi trường sinh thái nhằm phát triển kinh tế theo hướng dịch vụ, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

2.3. Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở bằng việc nâng cao trình độ quản lý nhà nước, đáp ứng được yêu cầu về sự đổi mới trong quan hệ sản xuất, trong quản lý xã hội. Phần đầu đến năm 2020, xã Thượng Yên Công hoàn thành các tiêu chí xã nông thôn mới theo nội dung bộ tiêu chí tại Quyết định 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Nội dung và giải pháp thực hiện

1. Nội dung, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công, giai đoạn 2017-2020:

1.1. Năm 2017

- Kiện toàn Ban xây dựng nông thôn mới xã giai đoạn 2017-2020, phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên. Thành lập Ban phát triển thôn, phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Ban phát triển thôn.

- Rà soát, điều chỉnh các Quy hoạch. Điều tra cụ thể, chi tiết từng nội dung theo 10 tiêu chí xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Lập phương án, dự toán xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu, hộ mẫu giai đoạn 2017-2020 tại 04 thôn: Đồng Chanh, Quan Điền, Năm Mẫu 2, Khe Sú 1.

- Nâng cấp, chỉnh trang khuôn viên trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn. Triển khai xây dựng Thôn nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu thí điểm tại thôn Đồng Chanh, thôn Quan Điền.

- Lựa chọn các tuyến đường cần được đầu tư theo cơ chế hỗ trợ của Thành phố đã thông qua để lập hồ sơ thiết kế dự toán phục vụ kế hoạch đầu tư năm 2018-2020.

1.2. Năm 2018

- Phần đầu xây dựng hoàn thành thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại thôn Đồng Chanh vào cuối năm 2018. Triển khai xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại thôn Quan Điền, Năm Mẫu 2, Khe Sú 1.

- Triển khai xây dựng các tuyến đường giao thông và các công trình khác đã khảo sát, lập dự toán từ năm 2017 theo cơ chế hỗ trợ của Thành phố.

1.3. Năm 2019

- Phần đầu xây dựng hoàn thành thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại thôn Quan Điền, thôn Năm Mẫu 2 vào cuối năm 2019. Duy trì phát triển các tiêu chí Thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại thôn Đồng Chanh. Tiếp tục thực hiện xây dựng thôn nông thôn mới tại thôn Miếu Bòng, thôn Tập Đoàn, thôn Năm Mẫu 1, thôn Khe Sú 2.

- Triển khai xây dựng các tuyến đường giao thông và các công trình khác đã khảo sát, lập dự toán từ năm 2018 theo cơ chế hỗ trợ của Thành phố.

1.4. Năm 2020

Triển khai xây dựng các tuyến đường giao thông và các công trình khác đã khảo sát, lập dự toán từ năm 2019 theo cơ chế hỗ trợ của Thành phố. Phần đầu hoàn thành việc xây dựng Thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại thôn Khe Sú 1 và xã Thượng Yên Công hoàn thành các tiêu chí xã nông thôn mới theo nội dung bộ tiêu chí tại Quyết định 4335/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

2. Tổng nhu cầu vốn và cân đối nguồn vốn thực hiện Đề án:

(Phụ biểu 01 và 02 kèm theo)

Nhu cầu vốn thực hiện Đề án cho chương trình xây dựng nông thôn mới xã Thượng Yên Công từ năm 2017 đến năm 2020 là: **109.395.480.000 đồng**, trong đó:

- | | |
|--|---------------------|
| - Ngân sách Thành phố: | 18.726.581.000 đồng |
| (Trong đó: Hỗ trợ theo Nghị Quyết 287/2017/NQ-HĐND của HĐND Thành phố là: 8.464.311.000 đồng, hỗ trợ các hạng mục khác: 10.262.270.000 đồng) | |
| - Ngân sách xã: | 8.608.103.000 đồng |
| - Nhân dân đóng góp | 31.260.796.000 đồng |
| - Vốn khác | 50.764.000.000 đồng |

*** Phân kỳ thực hiện**

- Năm 2017: Tổng vốn 12.797.237.000 đồng, chiếm 11,7%. Trong đó: ngân sách Thành phố 1.608.440.000 đồng (Hỗ trợ theo Nghị Quyết 287/2017/NQ-HĐND của HĐND Thành phố 323.230.000 đồng, hỗ trợ các hạng mục khác 1.285.210.000 đồng); ngân sách xã: 1.459.988.000 đồng; nhân dân đóng góp 9.728.809.000 đồng.

- Năm 2018: Tổng vốn 62.304.408.000 đồng, chiếm 57,0%. Trong đó: ngân sách Thành phố 3.588.375.000 đồng (Hỗ trợ theo Nghị Quyết 287/2017/NQ-HĐND của HĐND Thành phố 2.214.925.000 đồng, hỗ trợ các hạng mục khác: 1.373.450.000 đồng); ngân sách xã: 4.491.985.000 đồng; nhân dân đóng góp 11.460.048.000 đồng; vốn khác: 42.764.000.000 đồng.

- Năm 2019: Tổng vốn 30.073.568.000 đồng, chiếm 27,5%. Trong đó: ngân sách Thành phố 11.779.766.000 đồng (Hỗ trợ theo Nghị Quyết 287/2017/NQ-HĐND của HĐND Thành phố 4.753.156.000 đồng, hỗ trợ các hạng mục khác: 7.026.610.000 đồng); ngân sách xã: 2.024.930.000 đồng; nhân dân đóng góp 8.268.872.000 đồng; vốn khác: 8.000.000.000 đồng.

- Năm 2020: Tổng vốn 4.184.267.000 đồng, chiếm 3,8%. Trong đó: ngân sách Thành phố 1.750.000.000 đồng (Hỗ trợ theo Nghị Quyết 287/2017/NQ-HĐND của HĐND Thành phố 1.173.000.000 đồng, hỗ trợ các hạng mục khác: 577.000.000 đồng); ngân sách xã: 631.200.000 đồng; nhân dân đóng góp 1.803.067.000 đồng.

3. Giải pháp chủ yếu:

3.1. Giải pháp về tuyên truyền, vận động:

- Tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức các Chỉ thị, Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh, Thành phố và xã về xây dựng nông

thôn mới trên địa bàn. Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, truyền hình, Pano, áp phích và trong các hội nghị, các cuộc họp,...

- Vận động nhân dân hiến đất, vật kiến trúc và trực tiếp tham gia xây dựng các công trình hạ tầng đơn giản, giữ gìn và bảo vệ kết cấu hạ tầng; xây dựng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần; giữ gìn an ninh, trật tự đảm bảo an toàn xã hội; đóng góp mua sắm các trang thiết bị vật chất tại các nhà văn hóa thôn; chỉnh trang ngõ xóm, vườn hộ; chỉnh trang, nâng cấp nhà ở...

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn vận động nhân dân tích cực thực hiện đổi mới phương thức sản xuất; tích cực xây dựng phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương; tích cực thực hiện dồn điền đổi thửa xây dựng vùng sản xuất tập trung; Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất đảm bảo hiệu quả cho sản phẩm và từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương theo Chương trình OCOP, gắn với phát triển các sản phẩm phục vụ du lịch.

3.2. Huy động các nguồn lực:

- Nguồn ngân sách Thành phố: hỗ trợ cát, đá, xi măng theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nguồn ngân sách xã: từ nguồn thu tiền thuê đất, mặt nước hàng năm của xã được trích lại để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Huy động tối đa nguồn lực đóng góp từ nhân dân. Người dân liên quan đến thực hiện Đề án, phát triển sản xuất.

- Huy động tối đa từ các nguồn lực khác; vận động xã hội hóa xây dựng của hàng giới thiệu các sản phẩm của Thành phố tại trung tâm xã, để giới thiệu cho khách du lịch.

3.3. Giải pháp về nguồn nhân lực, áp dụng khoa học công nghệ:

- Tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn đảm bảo và duy trì cơ cấu trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề tại chỗ và tăng thu nhập cho người dân, giảm dần tỷ lệ đào tạo nghề nông nghiệp, tăng tỷ lệ đào tạo nghề phi nông nghiệp.

- Tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho nông dân. Xây dựng các mô hình trình diễn, mô hình khuyến nông, khuyến ngư; mô hình cơ giới hoá trong sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch, mô hình chuỗi... để người dân tham quan học tập kinh nghiệm.

4.4. Giải pháp về củng cố hệ thống chính trị vững mạnh:

Tiếp tục tổ chức đào tạo cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định, từng bước nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn kiểu mẫu và các nhiệm vụ chính trị khác của địa phương; kiện toàn hệ thống các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định; các biện pháp bảo đảm xây dựng Đảng bộ xã vững mạnh; chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh"; các tổ chức đoàn thể cấp xã đạt danh hiệu vững mạnh, tiên tiến.

4.5. Giải pháp về môi trường:

- Thực hiện công khai, minh bạch các quy hoạch, dự án đầu tư; chú trọng và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc thẩm định, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, việc quyết định các dự án đầu tư cần được cân nhắc kỹ lưỡng giữa lợi ích đem lại trước mắt với những ảnh hưởng đến môi trường về lâu dài.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống thoát nước thải các khu dân cư, các điểm thu gom vỏ bao gói thuốc BVTV tại các vùng sản xuất; xây dựng quy chế và quản lý các nghĩa trang theo quy hoạch.

- Vận động, tuyên truyền cộng đồng để thay đổi tập quán, thói quen xả rác tùy tiện, xây dựng mô hình mỗi hộ có "Thùng rác gia đình"; đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường nhằm tạo sự chuyển biến và nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường chung, tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Nhân dân trên địa bàn xã:

- Phải xác định được chủ thể của chương trình và người hưởng lợi trong việc xây dựng nông thôn mới là người dân. Từ đó nâng cao nhận thức để nhân dân tự nguyện hiến đất, tài sản trên đất và trực tiếp tham gia xây dựng các công trình hạ tầng đơn giản, giữ gìn và bảo vệ kết cấu hạ tầng nông thôn; tự chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, cải tạo cảnh quan môi trường và xây dựng các công trình nước sinh hoạt, nhà vệ sinh; chỉnh trang sân vườn, nâng cấp nhà ở; xây dựng đời sống văn hóa tinh thần; giữ gìn an ninh, trật tự.

- Thực hiện tốt các phong trào thi đua như: xây dựng vườn mẫu, hộ gia đình mẫu; thôn nông thôn mới kiểu mẫu, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự; phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi...

2. Ban phát triển, Ban vận động thôn:

- Kiện toàn Ban Phát triển thôn, Ban vận động thôn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để phụ trách các lĩnh vực.

- Tích cực tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới; phát động phong trào toàn dân hưởng ứng, tham gia xây dựng nông thôn kiểu mẫu; chú trọng quan điểm dựa vào nội lực của cộng đồng là chính, phát huy sự sáng tạo và nguồn lực trong dân; phát huy hiệu quả sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Bám sát những nội dung của đề án được duyệt để triển khai, đảm bảo công khai, dân chủ để nhân dân được bàn bạc và quyết định từng nội dung, tránh chủ quan áp đặt, đồng thời nghiêm túc tiếp thu giải quyết kịp thời những ý đóng góp xây dựng của nhân dân.

3. Ban Chỉ đạo xã:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án nông thôn mới giai đoạn 2017-2020, đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án từng năm, quý, tháng đưa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu để lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện.

- Hướng dẫn các thôn rà soát, đánh giá hiện trạng và xây dựng kế hoạch thực hiện đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và hướng dẫn thôn hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận theo quy định.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ đạo để theo dõi, hướng dẫn, giám sát thực hiện tại cơ sở thôn.

4. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền:

Cấp ủy Đảng từ xã đến thôn tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới gắn với việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Đảng ủy và các chi bộ tích cực thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; hàng tháng cấp ủy xã và chi bộ các thôn đưa nội dung xây dựng nông thôn mới để đánh giá kết quả thực hiện đồng thời đề ra các giải pháp tăng cường lãnh đạo về xây dựng nông thôn mới trong từng thời điểm.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Các đoàn thể xã:

- Phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra; Mặt trận tổ quốc xã, Ban công tác Mặt trận các thôn vận động các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức, tích cực tham gia các phong trào để thực hiện và giám sát việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; củng cố, phát triển tổ chức mặt trận tổ quốc xã, thôn vững mạnh. Tham mưu gắn kết các nội dung xây dựng nông thôn mới vào cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" để vận động nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ.

- Tuyên truyền, vận động mỗi đoàn thể lựa chọn, đăng ký đảm nhiệm những việc làm cụ thể trong các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tại xã Thượng Yên Công.

- Đẩy mạnh các chương trình phối hợp với chính quyền trong thực hiện các nhiệm vụ của địa phương, đặc biệt là nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; phong trào vì người nghèo; phong trào "5 xung kích, 4 đồng hành"; phong trào "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"; phong trào thu gom rác thải bảo vệ môi trường...

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố, Trưởng các phòng: Kinh tế, Tài chính-Kế hoạch, Lãnh đạo Văn phòng điều phối nông thôn mới, Chủ tịch UBND xã Thượng Yên Công và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh QN (b/c);
- Ban Xây dựng nông thôn mới tỉnh QN (bc);
- Đ/chí Bí thư Thành ủy (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- Thường trực HĐND Thành phố (b/c);
- Thường trực UBND Thành phố (b/c);
- TVBCĐ xây dựng NTM Thành phố (p/h);
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tú

TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ - KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ THƯỢNG YÊN CÔNG GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND Thành phố Uông Bí)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
A	TỔNG NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NTM GIAI ĐOẠN 2016 -2020	109.359,480	18.726,581	8.608,103	31.260,796	50.764,000	
1	Hỗ trợ theo NQ 287/2017/NQ-HĐND về hỗ trợ vật liệu đầu tư xây dựng bê tông hóa đường giao thôn, khu, nội đồng tại các xã, phường giai đoạn 2017-2020	18.132,697	8.464,311	4.092,223	4.812,163	764,000	
2	Hỗ trợ hạng mục khác	91.226,783	10.262,270	4.515,880	26.448,633	50.000,000	
B	CHI TIẾT THEO NĂM						
I	Năm 2017	12.797,237	1.608,440	1.459,988	9.728,809	-	
1	Hỗ trợ theo NQ 287/2017/NQ-HĐND	1.400,534	323,230	811,568	265,736	-	
2	Hỗ trợ hạng mục khác	11.396,703	1.285,210	648,420	9.463,073	-	
II	Năm 2018	62.304,408	3.588,375	4.491,985	11.460,048	42.764,000	
1	Hỗ trợ theo NQ 287/2017/NQ-HĐND	5.083,645	2.214,925	1.414,225	690,495	764,000	
2	Hỗ trợ hạng mục khác	57.220,763	1.373,450	3.077,760	10.769,553	42.000,000	
III	Năm 2019	30.073,568	11.779,766	2.024,930	8.268,872	8.000,000	
1	Hỗ trợ theo NQ 287/2017/NQ-HĐND	9.421,518	4.753,156	1.494,430	3.173,932	-	
2	Hỗ trợ hạng mục khác	20.652,050	7.026,610	530,500	5.094,940	8.000,000	
IV	Năm 2020	4.184,267	1.750,000	631,200	1.803,067	-	
1	Hỗ trợ theo NQ 287/2017/NQ-HĐND	2.227,000	1.173,000	372,000	682,000	-	
2	Hỗ trợ hạng mục khác	1.957,267	577,000	259,200	1.121,067	-	

**CHI TIẾT DANH MỤC CÔNG TRÌNH CẦN ĐẦU TƯ - KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ THƯỢNG YÊN CÔNG GIAI ĐOẠN 2017-2020**

(Kèm theo Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND Thành phố Uông Bí)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
	TỔNG NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NTM GIAI ĐOẠN 2017 -2020	109.359,480	18.726,581	8.608,103	31.260,796	50.764,000	
	NHU CẦU VỐN NĂM 2017 (A+B)	12.797,237	1.608,440	1.459,988	9.728,809	-	
A	Đầu tư cơ sở hạ tầng nâng cao tiêu chí NTM trên địa bàn xã	-	-	-	-	-	
I	Đường trục xã	-	-	-	-	-	
1	Nâng cấp, mở rộng đường trục xã tuyến đường Thượng Yên Công đoạn từ Đập Trần số 2 đến ngã 3 Miếu Bòng.						Công trình đang triển khai, đã được bố trí vốn
B	ĐẦU TƯ ĐỂ XÂY DỰNG THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU						
	Tổng cộng B:	12.797,237	1.608,440	1.459,988	9.728,809	-	
I	Trụ sở UBND xã	1.220,000	1.020,000	200,000	-	-	
1	Nâng cấp trụ sở HĐND-UBND xã (sửa chữa sân, mái hội trường, vườn hoa)	1.200,000	1.000,000	200,000			
2	Lắp đặt bảng tuyên truyền: Bảng công bố quy hoạch trung tâm xã, bộ tiêu chí nông thôn mới	20,000	20,000				
II	Trạm y tế xã						
1	Sửa chữa mái trạm y tế xã						TP hỗ trợ 40 triệu, công trình đã triển khai xong, đã được bố trí vốn
I	THÔN ĐỒNG CHANH	11.326,687	561,140	1.079,988	9.685,559	-	

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
1	Vẽ sơ đồ quy hoạch vườn hộ:	146,200	12,500	133,700	-	-	
	Quy hoạch 191 hộ x 700.000 đ/hộ	133,700		133,700			
	Quy hoạch, in màu 3D: 05 hộ x 2.500.000 đ/hộ	12,500	12,500				
2	Tuyên truyền:	13,650	13,650	-	-	-	
	(KT: 2,5 x 4,5m) có chân cột bằng ống kẽm phi 13 loại dày đỏ bê tông. Phần mặt bằng bằng chất liệu: Khung hộp kẽm, nền Mex nhôm in phần nội dung trên mex	10,450	10,450				
	Bảng khẩu hiệu: Cán bộ, đảng viên và nhân dân thôn Đồng Chanh (KT: 9,0 x 0,75 m). In phun kỹ thuật số, đã có khung, gắn mặt bằng và treo lắp	1,200	1,200				
	Bảng: Hộ mẫu- Vườn Mẫu: KT :2,0 x 2,5m, làm bằng: khung kẽm nền bạt in phun	1,450	1,450				
	Bảng: Pháp lệnh 34, KT : 1,0 x 1,7m, Làm bằng: khung kẽm nền bạt in phun kỹ thuật số	0,550	0,550				
3	Đường giao thông:	1.776,744	323,230	946,288	507,226	-	
3,1	Đổ bê tông các tuyến đường:	1.400,534	323,230	811,568	265,736	-	
*	Đường ngõ xóm	1.400,534	323,230	811,568	265,736		
+	Tuyến nhà ông Minh – thôn Đồng Chanh, dài 180 m	632,566	181,260	271,793	179,513		
+	Tuyến nhà ông Thảng - thôn Đồng Chanh, dài 211 m	767,968	141,970	539,775	86,223		
3,2	Trồng cây tạo đường viên hai bên đường:	376,210	-	134,720	241,490	-	
*	Trồng 6 tuyến đường có chiều dài 1.684 m, trồng 2 bên đường 3.368 m:	-				-	
+	Xây bồn trồng cây: 50.000 đồng/m	168,400			168,400		
+	Trồng cây chuối ngọt: 40.000 đồng/m	134,720		134,720			
+	Phân bón cây: 5.000 đồng/m	16,840			16,840		
+	Nhân công: 1 công = 15m, tổng 225 công x 250.000đ/công	56,250			56,250		

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
	(Tuyến nhà ông Minh: 180m	-					
	Tuyến nhà ông Thắng: 211m	-					
	Tuyến nhà ông Quang: 287m	-					
	Tuyến nhà ông Thông: 158m	-					
	Tuyến vào trường mầm non Đồng Chanh: 323m	-					
	Tuyến xóm Bến Ván: 525m)	-					
4	Chỉnh trang nhà văn hóa thôn:	211,760	211,760	-	-	-	
+	Cột bê tông, rào dây thép gai, trồng hàng rào xanh xung quanh nhà văn hóa thôn: 160 m x 450.000 đồng/m = 72.000.000 đồng.	72,000	72,000				
+	Nhân công chôn cột bê tông, trồng cây, rào dây thép: 40 công	10,000	10,000				
+	Lắp đặt cổng qua sân nhà văn hóa thôn: 47 m x 1.100.000 đ/m	51,700	51,700				
+	Đổ đất san nền sân: (46 x 11 x 1,2)m = 607, 2 m3 đất x 120.000 đ/ m3	72,860	72,860				
+	Máy xúc san đất: 8 giờ x 650,000 đ/giờ	5,200	5,200				
5	Chỉnh trang khuôn viên vườn hộ	9.178,333	-	-	9.178,333	-	
5.1	Các hộ đầu tư chỉnh trang vườn:	7.950,000	-	-	7.950,000	-	
+	Số vườn có diện tích $\leq 1000 \text{ m}^2$:	-					
	53 x 50.000.000 đồng/hộ	2.650,000			2.650,000		
+	Số vườn có diện tích từ trên 1000 m ² đến 2000 m ² :	-					
	37 x 100.000.000 đồng/hộ	3.700,000			3.700,000		
+	Số vườn có diện tích từ trên 2000 m ² đến 3000 m ² :	-					
	8 x 200.000.000 đồng/hộ	1.600,000			1.600,000		
*	Hỗ trợ các hộ xây dựng tường rào xanh:	-					
5.2	Các hộ đầu tư trồng cây tạo hàng rào xanh:	1.228,333	-	-	1.228,333	-	
+	Xây bồn	-					
	11.000 m x 50.000 đồng/m = 440.000.000 đồng	550,000			550,000		
+	Giống cây chuối ngọc	-					

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
	11.000m x 40.000 đồng/m = 440.000.000 đồng	440,000			440,000		
+	Phân bón: 11,000m x 5.000 đồng/m	55,000			55,000		
+	Nhân công trồng cây: 1 công = 15m, 250.000đ/công	183,333			183,333		
II	THÔN NĂM MẪU 1	13,650	13,650				
	Lắp đặt bảng tuyên truyền thôn Năm Mẫu 1	13,650	13,650				
III	THÔN QUAN ĐIỂN	13,650	13,650				
	Lắp đặt bảng tuyên truyền thôn Quan Điền	13,650	13,650				
IV	THÔN NĂM MẪU 2	223,250	-	180,000	43,250		
	Chính trang khu trung tâm xã thuộc thôn Năm Mẫu 2: có 02 tuyến tổng dài 1000 m, trồng 2 bên là 2000m	-					
+	Xây bồn trồng cây: 2.000 m x 50.000 đồng/m = 100.000.000 đồng	100,000		100,000			
+	Trồng cây chuối ngọc:	80,000		80,000			
+	2.000 m x 40.000 đồng/m = 80.000.000 đồng						
+	Phân bón cây: 2000 m x 5.000 đồng/m = 10.000.000 đồng	10,000			10,000		
+	Nhân công: 1 công = 15m, tổng 133 công x 250.000đ/công	33,250			33,250		
	(Tuyến đường Thường Yên Công đoạn từ ngã tư Năm Mẫu đến khu Cửa Miếu, tuyến có tổng chiều dài là 500m	-					
	Tuyến đường Cây Trâm đoạn từ ngã tư Năm Mẫu đến cầu Khe Cai, tuyến có tổng chiều dài là 500m	-					
	NĂM 2018	-					
	Tổng A + B (nhu cầu vốn 2018):	62.304,408	3.588,375	4.491,985	11.460,048	42.764,000	
A	ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG NÂNG CAO CÁC TIÊU CHÍ NTM TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	-					
	Tổng cộng A:	44.217,626	2.885,023	1.216,840	351,763	39.764,000	
1	Đường trục xã	-	-			-	
2	Đường ngõ xóm	840,626	369,023	119,840	351,763	-	
2.1	Tuyến nhà bà Mai - thôn Năm Mẫu 1, dài 100 m	396,523	174,067	56,530	165,926		
2.2	Tuyến xóm ông Hảo - Thôn Miếu Bông, dài 112 m	444,103	194,956	63,310	185,837		
3	Đường vào nghĩa trang nhân dân	2.511,000	1.350,000	397,000	-	764,000	

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
3.1	Đường vào nghĩa trang nhân dân thôn Khe Sú 1	2.511,000	1.350,000	397,000		764,000	
4	Đầu tư hệ thống truyền thanh xã	800,000	400,000	400,000			
5	Đầu tư mới 19 km đường dây 35KV từ Vàng Danh vào Năm Mẫu. Xây dựng mới tuyến điện nổi lưới với Điện lực Đông Triều nhằm mục đích cấp điện hỗ trợ khi bị sự cố	39.000,000				39.000,000	
6	Sản xuất	586,000	286,000	300,000			
6,1	Hỗ trợ Dự án trồng rau sạch, an toàn tập trung tại thôn Năm Mẫu 1 với diện tích 2,5 ha	386,000	286,000	100,000			
1	Hỗ trợ Dự án trồng rau sạch, an toàn tập trung tại thôn Năm Mẫu 1 với diện tích 2,5 ha	386,000	286,000	100,000			
+	Tường rào bằng cột bê tông + dây thép gai (tổng 1100 m, đơn giá 110.000 đ/m)	121,000	121,000				
+	Giống cây + Phân bón	100,000		100,000			
+	Hệ thống tưới (bơm + dây tưới)	120,000	120,000				
+	Đường bê tông nội vi 550 m	45,000	45,000				
6,2	Hỗ trợ nhân dân trên địa bàn phát triển sản xuất: trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao (bưởi da xanh, na, mít...)	200,000		200,000			
+	Giống cây + Phân bón	200,000		200,000			
7	Môi trường	480,000	480,000				
7,1	Hỗ trợ 40 hộ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, hỗ trợ 4.500.000 đồng/hộ	180,000	180,000				
7,2	Hỗ trợ 20 hộ di chuyển chuồng chăn nuôi ra khỏi khu vực gần nhà ở, nguồn nước sinh hoạt của gia đình và các hộ xung quanh, hỗ trợ 500.000 đồng / m2 (khoảng 600 m2)	300,000	300,000				
B	ĐẦU TƯ ĐỂ XÂY DỰNG THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU	-					
	Tổng cộng B	18.086,782	703,352	3.275,145	11.108,285	3.000,000	
I	THÔN KHE SÚ 2	13,650	13,650	-	-	-	

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
I	2	3	4	5	6	7	11
	Lắp đặt bảng tuyên truyền thôn Khe Sú 2	13,650	13,650				
II	THÔN TẬP ĐOÀN	13,650	13,650	-	-	-	
	Lắp đặt bảng tuyên truyền thôn Tập Đoàn	13,650	13,650				
III	THÔN MIẾU BÔNG	13,650	13,650	-	-	-	
	Lắp đặt bảng tuyên truyền thôn Miếu Bông	13,650	13,650				
IV	THÔN ĐỒNG CHANH	198,400	114,200	-	84,200	-	
I	Tuyên truyền:	30,000	30,000	-	-	-	
	Lắp đặt công chào tại vị trí giáp cầu sắt số 1:	-					
	01 cái x 30.000.000 đồng/1 cái = 30.000.000 đồng	30,000	30,000				
2	Hệ thống điện chiếu sáng trục các đường thôn	168,400	84,200	-	84,200	-	
	Lắp đặt bóng đèn compact trên trục đường các thôn (tuyến ông Minh, tuyến ông Thắt, tuyến ông Thôn, tuyến vào trường MN, tuyến Bến Ván, tuyến ông Quang), tổng 1,684 m đường x 100,000 đồng/m	168,400	84,200		84,200		
V	THÔN NĂM MẪU 2	14,618,073	221,120	601,303	10.795,650	3.000,000	
I	Vẽ sơ đồ quy hoạch vườn hộ	202,200	12,500	189,700	-	-	
+	Quy hoạch	189,700		189,700			
	271 hộ x 700.000 đ/hộ						
+	Quy hoạch, in màu 3D:	12,500	12,500				
	05 hộ x 2.500.000 đ/hộ						
2	Tuyên truyền:	13,650	13,650	-	-	-	
	Bảng pano ngoài trời: Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới (KT:	10,450	10,450				
	2,5 x 4,5m) có chân cột bằng ống kẽm phi 13 loại dày đổ bê						
	Bảng khâu hiệu: Cán bộ, đảng viên và nhân dân thôn Đồng						
	Chanh (KT: 9,0 x 0,75 m).	1,200	1,200				
	In phun kỹ thuật số, đã có khung, gắn mặt bằng và treo lắp						
	Bảng: Hộ mẫu- Vườn Mẫu: KT :2,0 x 2,5m,						
	làm bằng: khung kẽm nền bạt in phun	1,450	1,450				

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
	Bảng: Pháp lệnh 34, KT : 1,0 x 1,7m, Làm bằng: khung kẽm nền bạt in phun kỹ thuật số	0,550	0,550				
3	Đường giao thông:	998,740	194,970	411,603	392,167		
3,1	Đổ bê tông các tuyến đường:	559,510	194,970	254,243	110,297		
*	Đường ngõ xóm:	-					
+	Đường bê tông Rừng Nam - thôn Năm Mẫu 2, dài 500 m	559,510	194,970	254,243	110,297		
3,2	Trồng cây tạo đường viền hai bên đường:	439,230	-	157,360	281,870	-	
*	Trồng 6 tuyến đường có chiều dài 1,967 m, trồng 2 bên đường 3.934 m:						
+	Xây bồn trồng cây: 3.934 m x 50.000 đồng/m = 196.700.000 đồng	196,700			196,700		
+	Trồng cây chuối ngọc:	157,360		157,360			
+	3.934 m x 40.000 đồng/m = 157.36.000 đồng						
+	Phân bón cây: 3.934 m x 5.000 đồng/m = 19.670.000 đồng	19,670			19,670		
+	Nhân công: 1 công = 15m, tổng 262 công x 250.000đ/công	65,500			65,500		
	(Tuyến đường Rừng Nam, trồng đoạn dài 500 m						
	Tuyến nhà ông Dân 430 m						
	Tuyến nhà ông Phương 208 m						
	Tuyến vào Trạm y tế xã 400 m						
	Tuyến ông Sồi 189 m						
	Tuyến nhà bà Nhẫu 90 m						
	Tuyến vào trường MN Thượng Yên Công (150 m)						
4	Đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn Năm Mẫu 2 gắn với công trình Đình làng, Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ	3.000,000				3.000,000	
5	Chỉnh trang khuôn viên vườn hồ	10.403,483	-	-	10.403,483	-	
*	Các hộ đầu tư chỉnh trang vườn:	10.150,000	-	-	10.150,000	-	
+	Số vườn có diện tích $\leq 1000 m^2$:						
	71 x 50.000.000 đồng/hộ	3.550,000			3.550,000		

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
+	Số vườn có diện tích từ trên 1000 m ² đến 2000 m ² : 34 x 100.000.000 đồng/hộ	3.400,000			3.400,000		
+	Số vườn có diện tích từ trên 2000 m ² đến 3000 m ² : 16 x 200.000.000 đồng/hộ	3.200,000			3.200,000		
*	Các hộ đầu tư trồng cây tạo hàng rào xanh:	253,483	-	-	253,483		
+	Xây bồn trồng cây xanh:	-					
	2.270 m x 50.000 đồng/m	113,500			113,500		
+	Giống cây:	-					
	2.270m x 40.000 đồng/m	90,800			90,800		
+	Phân bón: 2,270m x 5.000 đồng/m	11,350			11,350		
+	Nhân công trồng cây: 1 công = 15m, 250.000đ/công	37,833			37,833		
1	THÒN KHE SÚ 1	3.229,359	327,082	2.673,842	228,435	-	
	Về sơ đồ quy hoạch vườn hộ	160,200	12,500	147,700	-	-	
+	Quy hoạch 211 hộ x 700.000 đ/hộ	147,700		147,700			
+	Quy hoạch, in màu 3D: 05 hộ x 2.500.000 đ/hộ	12,500	12,500				
2	Tuyên truyền:	13,650	13,650	-	-	-	
	(KT: 2,5 x 4,5m) có chân cột bằng ống kẽm phi 13 loại dây đỏ bê tông. Phần mặt bằng bằng chất liệu: Khung hộp kẽm, nền Mex nhôm in phần nội dung trên mex	10,450	10,450				
+	Bảng khẩu hiệu: Cán bộ, đảng viên và nhân dân thôn Đồng Chanh (KT: 9,0 x 0,75 m). In phun kỹ thuật số, đã có khung, gắn mặt bằng và treo lắp	1,200	1,200				
+	Bảng: Hộ mẫu- Vườn Mẫu: KT :2,0 x 2,5m, làm bằng: khung kẽm nền bạt in phun	1,450	1,450				
+	Bảng: Pháp lệnh 34, KT : 1,0 x 1,7m, Làm bằng: khung kẽm nền bạt in phun kỹ thuật số	0,550	0,550				

HỒNG BÍ THƯ

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
3	Đường giao thông:	1.172,509	300,932	643,142	228,435	-	
*	Đổ bê tông đường ngõ xóm:	-					
+	Tuyến nhà ông Huân - thôn Khe Sú 1, dài 100 m	396,523	174,067	56,530	165,926		
+	Tuyến nhà ông Hợi - thôn Khe Sú 1, dài 197 m	775,986	126,865	586,612	62,509		
4	Đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn Khe Sú 1	1.883,000		1.883,000			
	NĂM 2019	-					
	Tổng cộng A + B (như cầu vốn 2019):	30.073,568	11.779,766	2.024,930	8.268,872	8.000,000	
A	ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG NÂNG CAO CÁC TIÊU CHÍ	-					
	NTM TRÊN ĐỊA BÀN XÃ						
	Tổng cộng A:	21.221,202	9.841,453	1.256,070	2.123,679	8.000,000	
1	Đường ngõ xóm	1.197,488	525,683	170,710	501,095		
+	Tuyến xóm Hoà Chất - Thôn Miếu Bông, chiều dài 64 m	253,775	111,403	36,180	106,192		
+	Tuyến nhà ông Thu - Thôn Năm Mẫu 1, chiều dài 158 m	626,499	275,026	89,310	262,163		
+	Tuyến nhà bà Huệ thôn Năm Mẫu 1, chiều dài 60 m	317,214	139,254	45,220	132,740		
2	Đường nội đồng	2.104,714	1.107,770	352,360	644,584		
+	Tuyến Đình Hà - thôn Khe Sú 2, chiều dài 780 m	1.468,998	773,555	245,330	450,113		
+	Tuyến Cầu Dốc - thôn Năm Mẫu 1, chiều dài 337 m	635,716	334,215	107,030	194,471		
3	Đường vào nghĩa trang nhân dân	3.239,000	1.728,000	533,000	978,000	-	
+	Đường vào nghĩa trang nhân dân Đồng Chanh, chiều dài 0,42 km	866,000	462,000	142,000	262,000		
+	Đường vào nghĩa trang nhân dân Thùng Rượu, dài 0,7 km	1.446,000	771,000	239,000	436,000		
+	Đường vào nghĩa trang nhân dân Miếu Bông, chiều dài 0,45 km	927,000	495,000	152,000	280,000		
4	Đầu tư XD mới 03 Nhà văn hóa còn lại gồm:	6.000,000	6.000,000				
	Nhà Văn hóa thôn Khe Sú 2, Miếu Bông, Tập Đoàn						
5	Đầu tư XD khu văn hóa thể thao xã (giai đoạn 2)	3.000,000				3.000,000	
6	Cải tạo, nâng cấp chợ trung tâm xã Thượng Yên Công diện tích 2.400 m2	5.000,000				5.000,000	
7	Sản xuất	200,000		200,000			

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
	Hỗ trợ nhân dân trên địa bàn phát triển sản xuất: trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao (bưởi da xanh, na, mít...)						
	Giống cây + Phân bón	200,000		200,000			
8	Môi trường	480,000	480,000				
8,1	Hỗ trợ 40 hộ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, hỗ trợ 4.500.000 đồng/hộ	180,000	180,000				
8,2	Hỗ trợ 20 hộ di chuyển chuồng chăn nuôi ra khỏi khu vực gần nhà ở, nguồn nước sinh hoạt của gia đình và các hộ xung quanh, hỗ trợ 500.000 đồng / m2 (khoảng 600 m2)	300,000	300,000				
B	ĐẦU TƯ ĐỂ XÂY DỰNG THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU	-					
	Tổng cộng B	8.852,366	1.938,313	768,860	6.145,193	-	
I	THÔN ĐỒNG CHANH	717,516	376,860	121,370	219,286	-	
1	Đường giao thông, Đổ bê tông đường nội đồng:	717,516	376,860	121,370	219,286		
+	Tuyến Bến Đòng - thôn Đòng Chanh, chiều dài 380 m	717,516	376,860	121,370	219,286		
2	Đường vào nghĩa trang nhân dân	-	-	-	-		
+	Đường vào nghĩa trang nhân dân Đòng Chanh, chiều dài 0,42 km						
II	THÔN NĂM MẪU 2	2.659,680	1.413,193	316,990	929,497	-	
1	Tuyến truyền:	300,000	300,000				
	Lắp đặt công trào điện tử đầu dốc Quàng Hải:	-					
	01 cái x 300.000.000 đồng/1 cái = 300.000.000 đồng	300,000	300,000				
2	Đường giao thông (Đổ bê tông đường ngõ xóm, nội đồng):	2.162,800	1.014,843	316,990	830,967		
*	Đường ngõ xóm:	1.419,542	623,107	193,410	603,025	-	
+	Tuyến nhà ông Phuong - Thôn Năm Mẫu 2, chiều dài 208 m	824,762	362,006	108,630	354,126		
+	Tuyến vào trường MN Thượng Yên Công, chiều dài 150 m	594,780	261,101	84,780	248,899		
*	Đường nội đồng:	743,258	391,736	123,580	227,942	-	

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
+	Tuyến Cửa Miếu - thôn Năm Mẫu 2, chiều dài 395 m	743,258	391,736	123,580	227,942		
3	Hệ thống điện chiếu sáng trục các đường thôn	196,880	98,350	-	98,530	-	
	Lắp đặt bóng đèn compact trên trục đường các thôn, tổng 1,967 m đường x 100,000 đồng/m	196,880	98,350	-	98,530		
III	THÔN QUAN ĐIỀN	5,475,170	148,260	330,500	4,996,410	-	
1	Vẽ sơ đồ quy hoạch vườn hộ:	106,300	12,500	93,800	-	-	
+	Quy hoạch 134 hộ x 700.000 đ/hộ	93,800		93,800			
+	Quy hoạch, in màu 3D: 05 hộ x 2.500.000 đ/hộ	12,500	12,500				
2	Tuyên truyền:	30,000	30,000	-	-	-	
+	Lắp đặt công trào đầu thôn:	-					
	01 cái x 30.000.000 đồng/1 cái = 30.000.000 đồng	30,000	30,000				
3	Đường giao thông:	472,350	-	169,200	303,150	-	
	Trồng cây tạo đường viền hai bên đường:	472,350	-	169,200	303,150		
	Trồng 6 tuyến đường có chiều dài 2.115 m, tổng 2 bên đường 4.230 m:	-					
+	Xây bồn trồng cây: 4.230 m x 50.000 đồng/m = 211.500.000 đồng	211,500			211,500		
+	Trồng cây chuối ngược:	169,200		169,200			
+	4.230 m x 40.000 đồng/m = 169.200.000 đồng						
+	Phân bón cây: 4.230 m x 5.000 đồng/m = 21.150.000 đồng	21,150			21,150		
+	Nhân công: 1 công = 15m, tổng 282 công x 250.000đ/công	70,500			70,500		
	(Tuyến đường liên thôn (tuyến 1 + 2): 1.500 m	-					
	Tuyến đường từ gầm cầu chui đến ngõ nhà ông Lợi 170m	-					
	Tuyến nhà bà Minh 110 m	-					
	Tuyến nhà ông Tài 135 m	-					
	Tuyến nhà ông Thich 100 m	-					
	Tuyến nhà ông Vinh 100 m)	-					
4	Chỉnh trang nhà văn hóa thôn:	87,500	-	67,500	20,000	-	

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
+	Cắm cọc bê tông, rào dây thép gai, trồng hàng rào xanh xung quanh nhà văn hóa thôn: 150 m x 450.000 đồng/m = 67.500.000 đồng.	67,500		67,500			
+	Nhân công chôn cọc bê tông, trồng cây, rào dây thép: 40 công	10,000			10,000		
+	Nhân công san nền sân: (35x25x1,2)m, 40 công	10,000			10,000		
5	Hệ thống điện chiếu sáng trực các đường thôn	211,520	105,760	-	105,760		
	Lắp đặt bóng đèn compact trên trục đường các thôn (đường liên thôn tuyến 1,2; đường từ cầu chui đến nhà ông Lợi, đường vào nhà ông Tài, đường vào nhà ông Thích, đường vào nhà ông Vinh), tổng 2,115 m đường x 100,000 đồng/m	211,520	105,760	-	105,760		
6	Chỉnh trang khuôn viên vườn hộ	4.567,500	-	-	4.567,500	-	
6,1	Các hộ đầu tư chỉnh trang vườn:	4.400,000	-	-	4.400,000	-	
+	Số vườn có diện tích $\leq 1000 \text{ m}^2$:	-					
	32 x 50.000.000 đồng/hộ	1.600,000			1.600,000		
+	Số vườn có diện tích từ trên 1000 m^2 đến 2000 m^2 :	-					
	22 x 100.000.000 đồng/hộ	2.200,000			2.200,000		
+	Số vườn có diện tích từ trên 2000 m^2 đến 3000 m^2 :	-					
	3 x 200.000.000 đồng/hộ	600,000			600,000		
6,2	Các hộ đầu tư trồng hàng rào xanh:	167,500	-	-	167,500	-	
+	Xây bồn trồng cây xanh:	-					
	1500 m x 50.000 đồng/m	75,000			75,000		
+	Giống cây:	-					
	1500m x 40.000 đồng/m	60,000			60,000		
+	Phân bón: 1,500m x 5.000 đồng/m	7,500			7,500		
+	Nhân công trồng cây: 1 công = 15m, 250.000đ/công	25,000			25,000		
	NĂM 2020	-					
	Tổng cộng A + B (như cầu vốn 2020):	4.184,267	1.750,000	631,200	1.803,067		

68/10/17

STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
	ĐẦU TƯ ĐỂ XÂY DỰNG THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU	-					
	THÔN KHE SÚ 1	4.184,267	1.750,000	631,200	1.803,067	-	
1	Tuyến truyền:	300,000	300,000				
	Lắp đặt công trào điện từ tại đầu cầu Cây Trâm	-					
	01 cái x 300.000.000 đồng/1 cái = 300.000.000 đồng	300,000	300,000				
2	Đường giao thông:	2.950,600	1.173,000	631,200	1.146,400	-	
2.1	Đổ bê tông các tuyến đường:	2.227,000	1.173,000	372,000	682,000	-	
	Đường nội đồng	2.227,000	1.173,000	372,000	682,000	-	
+	Tuyến gốc Quéo - thôn Khe Sủ 1, chiều dài 496 m	932,000	492,000	154,000	286,000		
+	Tuyến nhà ông Dũng - thôn Khe Sủ 1, chiều dài 687 m	1.295,000	681,000	218,000	396,000		
2.2	Trồng cây tạo đường viên hai bên đường:	723,600	-	259,200	464,400	-	
*	Trồng 8 tuyến đường có chiều dài 3.240 m, trồng 2 bên đường 6.480m:	-					
+	Xây bồn trồng cây: 50.000 đồng/m	324,000			324,000		
+	Trồng cây chuối ngọc: 40.000 đồng/m	259,200		259,200			
+	Phân bón cây: 5.000 đồng/m	32,400			32,400		
+	Nhân công: 1 công = 15m, tổng 432 công x 250.000đ/công	108,000			108,000		
	(Tuyến đường Cây Trâm đoạn đóng dân cư, tổng chiều dài 1.500m	-					
	Tuyến nhà ông Quý 370m	-					
	Tuyến nhà ông Bắc 150m	-					
	Tuyến nhà ông Hiền 700m	-					
	Tuyến nhà ông Huân dài 100 m	-					
	Tuyến nhà ông Hơi 197 m	-					
	Tuyến nhà ông Thường 173 m	-					
	Tuyến nhà ông Khoa 50 m)	-					
3	Hệ thống điện chiếu sáng trục các đường thôn	554,000	277,000	-	277,000	-	



STT	Lộ trình thực hiện từng năm	Tổng giá trị	Trong đó				Ghi chú
			NS Thành phố	NS xã	Nhân dân đóng góp	Xã hội hóa, Doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	11
	Lắp đặt bóng đèn compact trên trục đường các thôn tổng 5.540 m (chiều dài tuyến đường tính thêm 2300m tuyến đường Cây Trâm cả đoạn không có dân cư đường) x 100,000 đồng/m	554,000	277,000	-	277,000		
4	Chính trang khuôn viên vườn hộ	379,667	-		379,667		
4.1	Các hộ đầu tư chính trang vườn:	-	-				
+	Số vườn có diện tích $\leq 1000 \text{ m}^2$:	7.850,000			7.850,000		
+	Số vườn có diện tích từ trên 1000 m ² đến 2000 m ² :	-					
	25 x 100.000.000 đồng/hộ	2.500,000			2.500,000		
+	Số vườn có diện tích từ trên 2000 m ² đến 3000 m ² :	-					
	19 x 200.000.000 đồng/hộ	3.800,000			3.800,000		
4.2	Các hộ đầu tư trồng hàng rào xanh:	379,667	-	-	379,667	-	
+	Xây bồn trồng cây xanh:	-					
	3400 m x 50.000 đồng/m	170,000			170,000		
+	Giống cây:	-					
	3400m x 40.000 đồng/m	136,000			136,000		
+	Phân bón: 3400m x 5.000 đồng/m	17,000			17,000		
+	Nhân công trồng cây: 1 công = 25m, 250.000đ/công (223 công)	56,667			56,667		